

**NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT
ĐƯỢC BAN HÀNH TỪ NGÀY 23/02/2026 ĐẾN NGÀY 08/03/2026**

-----38-----

STT	Tên văn bản	Thông tin văn bản	Nội dung chính
NGÀY 23/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 24/02/2026			
1	Thông tư 07/2026/TT-BCT sửa đổi Thông tư 37/2013/TT-BCT quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	Số hiệu: 07/2026/TT-BCT Lĩnh vực, ngành: Xuất nhập khẩu Nơi ban hành: Bộ Công thương Người ký: Nguyễn Sinh	Quy định về đăng ký nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà theo chế độ cấp phép tự động từ 10/04/2026 Theo đó, tại Thông tư 07/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-BCT quy định về ký nhập khẩu theo chế độ cấp phép tự động cụ thể như sau: - Trước khi làm thủ tục nhập khẩu, thương nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp tại UBND tỉnh/thành phố nơi

	Nhật Tân Ngày ban hành: 24/02/2026 Ngày hiệu lực: 10/04/2026	thương nhân có trụ sở chính hoặc nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích, trực tuyến của Cơ quan cấp phép bao gồm: + Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà: 02 (hai) bản theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 07/2026/TT-BCT ; + Hợp đồng nhập khẩu: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân); + Hóa đơn thương mại: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân); + Vận đơn hoặc chứng từ vận tải của lô hàng: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) (nếu có); + Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân). - Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-BCT , Cơ quan cấp phép tiến hành xác nhận Đơn đăng ký nhập khẩu tự
--	---	---

			động thuốc lá điều, xì gà. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ hoặc trường hợp không xác nhận, Cơ quan cấp phép có văn bản thông báo cho thương nhân bổ sung hồ sơ hoặc nêu rõ lý do. - Thời hạn hiệu lực thực hiện của Đơn đăng ký nhập khẩu tự động do Cơ quan cấp phép xác nhận là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Đơn được xác nhận.
NGÀY 25/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 26/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 27/02/2026			
2	Thông tư 11/2026/TT-BCT quy định về truy xuất nguồn gốc thực	Số hiệu: 11/2026/TT-BCT	Thông tin truy xuất nguồn gốc thực phẩm từ ngày 16/4/2026

	phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Lĩnh vực, ngành: Thương mại, Thể thao - Y tế Nơi ban hành: Bộ Công thương Người ký: Trương Thanh Hoài Ngày ban hành: 27/02/2026 Ngày hiệu lực: 16/04/2026	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan, bảo đảm sẵn sàng cung cấp các thông tin, giấy tờ tối thiểu về hoạt động sản xuất, kinh doanh sau đây: - Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, mã số doanh nghiệp của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận khác theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh; - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Cơ sở sản xuất thực phẩm phải thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan, bảo đảm sẵn sàng cung cấp các thông tin, giấy tờ tối thiểu về thực phẩm sau đây: - Tên, hình ảnh sản phẩm; - Thương hiệu, nhãn hiệu, mã ký hiệu, số sê-ri sản phẩm (nếu có); - Mã định danh, mã truy xuất nguồn gốc thực phẩm (nếu
--	---	---	---

có);

- Các thông tin về quy cách đóng gói, chất liệu bao bì, thành phần trong thực phẩm;

- Thời hạn sử dụng của sản phẩm đối với thực phẩm có quy định bắt buộc ghi hạn sử dụng;

- Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng;

- Bản công bố hợp quy kèm theo Kết quả chứng nhận hợp quy đối với thực phẩm có quy chuẩn kỹ thuật về chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn hoặc Bản công bố tiêu chuẩn kèm theo Phiếu kết quả kiểm nghiệm sản phẩm được cấp bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 đối với thực phẩm không có quy chuẩn kỹ thuật về chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn hoặc chưa có tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hoặc chưa có phương thức đánh giá sự phù hợp (nếu có);

- Thông tin về khối lượng, số lượng, mã số của lô/mẻ sản

			phẩm; - Địa điểm, thời gian diễn ra sự kiện truy xuất do cơ sở sản xuất thực hiện; - Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, mã số doanh nghiệp của khách hàng, đại lý, nhà phân phối, đơn vị vận chuyển, bảo quản, lưu kho, nhà cung cấp nguyên liệu/bán thành phẩm (nếu có); - Thông tin về lô/mẻ nguyên liệu, bán thành phẩm (tên, khối lượng, số lượng, thời gian giao nhận, thời hạn sử dụng, chất liệu bao bì, phụ gia); kết quả kiểm nghiệm của lô/mẻ nguyên liệu/bán thành phẩm do nhà cung cấp nguyên liệu/bán thành phẩm hoặc cơ sở sản xuất hoặc cơ sở kiểm nghiệm thực hiện (nếu có); - Kết quả kiểm nghiệm lô/mẻ thành phẩm thực phẩm do cơ sở sản xuất hoặc cơ sở kiểm nghiệm thực hiện (nếu có). Cơ sở kinh doanh thực phẩm phải tổ chức tiếp nhận thông tin, giấy tờ từ cơ sở sản xuất thực phẩm và thường xuyên thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan, bảo đảm sẵn sàng cung cấp các thông tin, giấy tờ tối thiểu về sản phẩm thực phẩm theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g
--	--	--	---

khoản 2 Điều 5 Thông tư 11/2026/TT-BCT và bổ sung thêm thông tin về địa điểm, thời gian diễn ra sự kiện truy xuất nguồn gốc do cơ sở kinh doanh thực phẩm thực hiện.

Đối với sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, ngoài các thông tin quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 5 Thông tư 11/2026/TT-BCT, cơ sở kinh doanh thực phẩm phải thường xuyên thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan và bảo đảm sẵn sàng cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:

- Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ của nhà sản xuất/xuất khẩu;
- Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, mã số doanh nghiệp của nhà nhập khẩu;
- Chứng nhận c/o hoặc kết quả kiểm nghiệm tại nước xuất xứ;
- Thông tin về khối lượng, số lượng, mã số của lô hàng nhập khẩu.

Đối với thực phẩm xuất khẩu, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo

			quy định của nước nhập khẩu; những thực phẩm vừa xuất khẩu vừa lưu thông trong nước khi tiêu thụ tại thị trường Việt Nam phải tuân thủ quy định tại Thông tư 11/2026/TT-BCT . Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thiết lập, lưu trữ cơ sở dữ liệu tại cơ sở để tổng hợp các thông tin, giấy tờ quy định tại Điều này dưới dạng biểu mẫu văn bản điện tử và các dạng dữ liệu cần thiết có liên quan khác phù hợp với quy định để cung cấp, cập nhật thông tin của sản phẩm trên Hệ thống truy xuất.
NGÀY 28/02/2026			
3	Nghị định 63/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	Số hiệu: 63/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Bộ máy hành chính Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Phạm Minh	Quy định về sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước từ 01/03/2026 - Sao tài liệu bí mật nhà nước là việc chép lại hoặc tạo ra bản khác theo đúng nội dung của tài liệu bí mật nhà nước. Sao tài liệu bí mật nhà nước gồm: sao từ văn bản giấy sang văn bản giấy, sao từ văn bản giấy sang văn bản điện tử. - Chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước là việc ghi lại

		Chính Ngày ban hành: 28/02/2026 Ngày hiệu lực: 01/03/2026	bằng hình ảnh tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. - Việc sao tài liệu bí mật nhà nước được quy định như sau: + Bản sao tài liệu bí mật nhà nước là văn bản giấy phải đóng dấu “Bản sao bí mật nhà nước” theo quy định tại Nghị định này, được người có thẩm quyền cho phép sao ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức (nếu có). Trường hợp sao nhiều bản, cơ quan, tổ chức thực hiện nhân bản từ bản sao đầu tiên, đã được đóng dấu “Bản sao bí mật nhà nước”, có chữ ký của người có thẩm quyền cho phép sao; sau đó, đóng dấu của cơ quan, tổ chức trên các bản sao. Đối với cơ quan, tổ chức không có con dấu riêng thì người có thẩm quyền cho phép sao ký trực tiếp tại dấu “Bản sao bí mật nhà nước”; + Bản sao tài liệu bí mật nhà nước là văn bản giấy sang văn bản điện tử được thực hiện bằng việc số hóa văn bản giấy và ký số của người có thẩm quyền cho phép sao; + Bản sao tài liệu bí mật nhà nước được gửi đến đúng nơi nhận được người có thẩm quyền sao cho phép. - Việc chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quy
--	--	--	--

định như sau:

- + Phải có văn bản ghi nhận việc chụp theo mẫu quy định tại Nghị định này; văn bản ghi nhận việc chụp được gửi kèm theo bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến nơi nhận;
- + Bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được gửi đến đúng nơi nhận được người có thẩm quyền chụp cho phép.
- Việc sao, chụp phải được ghi vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước” để quản lý. Chỉ sao, chụp đúng số bản cho phép; người thực hiện sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước có trách nhiệm hủy bỏ ngay bản dư thừa, bản hỏng bảo đảm không thể khôi phục.
- Bản sao, chụp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý như bản chính, bản gốc.
- Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải tiến hành tại địa điểm bảo đảm an toàn do người đứng đầu của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước quy định.

			- Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không được kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu và quy định khác của pháp luật có liên quan. - Việc sao, chụp điện mật được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu. - Mẫu dấu bản sao bí mật nhà nước; mẫu văn bản ghi nhận việc chụp bí mật nhà nước; mẫu sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước; hình thức ký số của người có thẩm quyền trên bản sao văn bản điện tử bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Nghị định này.
4	Nghị định 64/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	Số hiệu: 64/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Doanh nghiệp Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Quốc	Thủ tục trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản Theo đó, thủ tục trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản như sau: - Cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận văn bản đề nghị trả lại tài sản và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê, cho mượn của chủ sở hữu tài sản cho

		Dũng Ngày ban hành: 28/02/2026 Ngày hiệu lực: 01/03/2026	doanh nghiệp, hợp tác xã thuê hoặc mượn theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Phục hồi, phá sản 2025. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và các giấy tờ quy định tại khoản này, Chấp hành viên thông báo và chuyển cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Trường hợp chủ sở hữu tài sản có văn bản đề nghị trước khi có quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì việc yêu cầu trả lại tài sản cho thuê hoặc cho mượn được đưa vào văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định 64/2026/NĐ-CP . - Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 64/2026/NĐ-CP hoặc kể từ ngày người cho thuê đã thanh toán số tiền thuê tương ứng với thời gian thuê còn lại thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu và báo cáo bằng văn bản cho Chấp hành viên biết. Hướng dẫn xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên
--	--	---	--

bố doanh nghiệp phá sản

Theo đó, việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên quy định tại Điều 5 Nghị định 64/2026/NĐ-CP, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản; của người mắc nợ, người có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản và của người khác có liên quan.

Người mắc nợ, người có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản có trách nhiệm kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trường hợp phát sinh chi phí thì

			phải thanh toán theo quy định và được xác định là chi phí phá sản.
NGÀY 01/03/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 02/03/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 03/03/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 04/03/2026			
5	Thông tư 15/2026/TT-BTC hướng dẫn nguyên tắc kế toán đối với các tổ chức tham gia thị	Số hiệu: 15/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Kế	Hướng dẫn nguyên tắc kế toán với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hoá Căn cứ Điều 5 Thông tư 15/2026/TT-BTC hướng dẫn

	trường tài sản mã hóa tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	toán - Kiểm toán Nơi ban hành: Bộ Tài chính Người ký: Nguyễn Đức Tâm Ngày ban hành: 04/03/2026 Ngày hiệu lực: 04/03/2026	nguyên tắc kế toán đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hoá như sau: (1) Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hoá ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hoá, lưu ký tài sản mã hoá, cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hoá vào tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải được theo dõi chi tiết cho từng loại dịch vụ, hoạt động nghiệp vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải tiến hành phân loại, theo dõi, hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu để có biện pháp thu hồi kịp thời, lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật. (2) Đối với hoạt động lưu ký tài sản mã hoá: - Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có trách nhiệm quản lý, hạch toán kế toán tách biệt tiền, tài sản mã hóa của khách hàng với tiền, tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa. Đồng thời theo dõi chi tiết tiền, tài sản mã hóa theo từng đối tượng khách hàng, từng
--	---	---	--

loại tài sản mã hoá.

- Tài sản mã hóa của khách hàng lưu ký tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không được ghi nhận là tài sản của tổ chức cung cấp dịch vụ mà được theo dõi chi tiết để phục vụ yêu cầu quản lý và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải theo dõi chi tiết tài khoản “Phải thu khách hàng” của các thành viên lưu ký theo từng đối tượng, từng nội dung phải thu và từng lần thanh toán.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu từ phí dịch vụ lưu ký, phí dịch vụ quản lý tài sản mã hoá của khách hàng, dịch vụ thực hiện quyền, chuyển giao tài sản mã hoá cho khách hàng, dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ và doanh thu dịch vụ lưu ký khác.

(3) Đối với hoạt động tự doanh tài sản mã hóa:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa ghi nhận các khoản doanh thu, chi phí của hoạt động tự doanh tài sản mã hoá tương tự như hoạt động kinh doanh chứng khoán.

			Việc áp dụng tương tự chỉ nhằm mục đích hạch toán kế toán, không đồng nghĩa coi tài sản mã hóa là chứng khoán. - Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải theo dõi chi tiết các loại tài sản mã hoá tự doanh mà tổ chức đang nắm giữ, hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ hoạt động tự doanh tài sản mã hoá. - Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện trích lập dự phòng rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh tài sản mã hoá tương tự như hoạt động tự doanh chứng khoán của công ty chứng khoán.
--	--	--	--

NGÀY 05/03/2026

6	Nghị định 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Số hiệu: 68/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Doanh nghiệp, Thuế - Phí - Lệ Phí Nơi ban hành: Chính	Quy định mới về khai thuế, tính thuế đối với hộ kinh doanh từ 05/3/2026 Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định 68/2026/NĐ-CP thì việc khai thuế, tính thuế đối với hộ kinh doanh được thực hiện như sau: <i>(1) Khai thuế, tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập</i>
----------	---	---	--

	phủ	<i>cá nhân</i>
	Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành: 05/03/2026 Ngày hiệu lực: 05/03/2026	- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ từ 500 triệu đồng trở xuống thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát sinh doanh thu thực tế trên 500 triệu đồng trong năm thì thực hiện khai thuế, nộp thuế kể từ quý phát sinh doanh thu trên 500 triệu đồng. Số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp xác định theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định 68/2026/NĐ-CP; - Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên 500 triệu đồng bao gồm cả doanh thu đã được tổ chức, cá nhân khấu trừ, khai thay, nộp thay thì tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định 68/2026/NĐ-CP. Việc kê khai, nộp thuế thực hiện theo

quy định tại Điều 10 Nghị định 68/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế, tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp.

Việc hỗ trợ của cơ quan thuế không thay thế trách nhiệm khai thuế và xác định số thuế phải nộp của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ khai thuế.

(2) Khai thuế, tính thuế đối với các loại thuế khác

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế và thực hiện khai thuế, nộp thuế cùng với kỳ khai thuế giá trị gia tăng

			hoặc cùng thời hạn thông báo doanh thu thực tế phát sinh.
7	Thông tư 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Số hiệu: 18/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Doanh nghiệp, Thuế - Phí - Lệ Phí Nơi ban hành: Bộ Tài chính Người ký: Cao Anh Tuấn Ngày ban hành: 05/03/2026 Ngày hiệu lực: 05/03/2026	Hướng dẫn hộ kinh doanh thông báo doanh thu, kê khai thuế Theo đó, hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được quy định như sau: - Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này. - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế, hồ sơ khai thuế GTGT, thuế TNCN và các loại thuế khác là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này. - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu

			nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất: + Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác trong năm là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này. + Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân là Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo Mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT ban hành kèm theo Thông tư này. - Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động có doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này chậm nhất là ngày 20/4/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động có mức doanh thu trên 500 triệu đồng gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo
--	--	--	--

			Thông báo doanh thu hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.
NGÀY 06/03/2026			
8	Nghị định 69/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 106/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Số hiệu: 69/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Vi phạm hành chính, Xây dựng - Đô thị, Tài nguyên - Môi trường Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Phạm Minh Chính Ngày ban hành: 06/03/2026	- Quy định về xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần Nghị định bổ sung quy định rằng tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần đối với một hành vi trong một cơ sở sẽ không bị xử phạt từng hành vi mà sẽ áp dụng tình tiết tăng nặng cho một hành vi vi phạm. - Xử lý vi phạm trên môi trường điện tử Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực này trên môi trường điện tử sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP. - Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm

Ngày hiệu lực:
20/04/2026

Nghị định quy định rõ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt, dựa trên các văn bản thông báo kết quả huấn luyện, thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

- Mức phạt tiền và biện pháp khắc phục

Nghị định điều chỉnh mức phạt tiền cho các hành vi vi phạm, ví dụ như phạt từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với việc sử dụng đối tượng chưa có văn bản thông báo kết quả huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy. Ngoài ra, biện pháp khắc phục hậu quả như buộc mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cũng được quy định.

- Thẩm quyền xử phạt của các cơ quan

Nghị định quy định chi tiết thẩm quyền xử phạt của các cơ quan như Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Cảnh sát biển và Thanh tra. Mức phạt tối đa có thể lên đến 50.000.000 đồng, kèm theo các biện pháp như đình chỉ hoạt động có thời hạn và tịch thu tang vật vi phạm hành chính.

NGÀY 07/03/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 08/03/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG